

Số: /TM-TTKN

Phú Thọ, ngày tháng 01 năm 2026

THƯ MỜI

Báo giá một số mặt hàng giống, vật tư nông nghiệp

Kính gửi:

Thực hiện chương trình Khuyến nông giai đoạn 2026-2030, Trung tâm Khuyến nông Phú Thọ tiến hành xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình Khuyến nông năm 2026.

Để có căn cứ xây dựng dự toán các nội dung triển khai hỗ trợ, Trung tâm Khuyến nông Phú Thọ trân trọng kính mời các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, cửa hàng kinh doanh cung ứng các loại giống, vật tư nông nghiệp gửi báo giá với các nội dung sau:

1. Thành phần mời báo giá: Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, cửa hàng kinh doanh trong và ngoài tỉnh có đầy đủ năng lực thực hiện cung ứng các loại giống, vật tư nông nghiệp.

2. Nội dung yêu cầu: Gửi 01 báo giá các mặt hàng mà đơn vị hiện đang cung ứng trên thị trường (*theo danh sách các loại hàng hoá kèm theo*) về Trung tâm Khuyến nông Phú Thọ, bao gồm các thông tin: Thông tin đơn vị, mã số thuế đơn vị, bảng giá chào của hàng hóa, hiệu lực của báo giá.

3. Thời gian nhận báo giá: Đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2026.

4. Địa chỉ nhận báo giá: Phòng Chuyển giao kỹ thuật, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Phú Thọ, địa chỉ: Khu 7, Phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. (Đ/c Vũ Hoàng Lâm, sdt: 0983472598)

Trung tâm Khuyến nông Phú Thọ trân trọng kính mời các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, cửa hàng kinh doanh tham gia gửi báo giá đúng thời gian và địa điểm như trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BBT trang TTĐT SNN&MT (đăng tải);
- GĐ, các PGĐ TT ;
- Lưu: VT, CGKT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Văn Thor

DANH SÁCH CÁC LOẠI GIỐNG, VẬT TƯ ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(kèm theo Thư mời báo giá số /TM-TTKN ngày tháng 01 năm 2026)

STT	Tên hàng	ĐVT	Đơn giá (đồng)	Ghi chú
1	Lúa giống thuần	Kg		Báo giá ghi rõ: - Tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá; - Số lượng hàng hoá tối đa áp dụng với đơn giá theo báo giá. - Hiệu lực của báo giá - Chi phí thuế GTGT, các chi phí khác
2	Cây chuối giống	Cây		
3	Cây trám ghép (trám đen, trắng)	Cây		
4	Giống khoai (khoai sọ/khoai tắng vàng/khoai mặt quỷ)	Kg		
5	Giống tre ngọt	Cây		
6	Giống Mai (tre)	Cây		
7	Đạm ure	Kg		
8	Lân supe	Kg		
9	Kali clorua	Kg		
10	NPK 16.16.8	Kg		
11	Phân hữu cơ sinh học	Kg		
12	Phân hữu cơ vi sinh	Kg		
13	Thuốc trừ mối	Kg		
14	Các loại thuốc BVTV	Gói/kg/c hai		
15	Gà giống thịt thương phẩm (01 ngày tuổi)	con		
16	Giống ong	đàn		
17	Cá Trắm cỏ giống: (Cỡ cá ≥300-500g/con)	con		
18	Thức ăn hỗn hợp cho bò thịt	kg		
19	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 01-21 ngày tuổi	kg		
20	Thức ăn hỗn hợp cho gà thịt từ 22 ngày tuổi đến xuất bán	kg		
21	Thuốc tẩy giun, tẩy sán cho bò	Liều		
22	Vacxin cho gà			
-	Vacxin Gumboro			
-	Vacxin Newcastle	Liều		
-	Vacxin ND -IB	Liều		
-	Vacxin cúm gia cầm	Liều		
-	Vacxin đậu	Liều		
23	Hóa chất sát trùng	Lít		
24	Chế phẩm sinh học	kg		
25	Phần mềm quản lý đàn (cho cơ sở cn Lợn, cn gà)	Phần mềm		

STT	Tên hàng	ĐVT	Đơn giá (đồng)	Ghi chú
26	Hệ thống cho ăn tự động	Hệ thống		
27	Hệ thống cảm biến	Hệ thống		
28	Vật tư cho ong			
-	Đường	kg		
-	Phấn hoa	kg		
-	Tăng chân	cái		
-	Máng ăn cho ong	cái		
-	Thùng quay mật inox	cái		
-	Bộ dụng cụ nhân đàn	Bộ		
29	Thức ăn hỗn hợp cho cá	kg		
30	Thuốc xử lý nước, diệt khuẩn trong ao nuôi	Lít		